

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ THEO HỆ TÍN CHỈ
Ngành: Lịch sử Việt Nam. Mã số: 8229013
(Định hướng nghiên cứu 2 năm)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
I. KIẾN THỨC CHUNG			4
1	07.044	Triết học	4
II. KIẾN THỨC NGÀNH			45
2.1. Học phần			33
A. Bắt buộc			21
1	06.129	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử Việt Nam	3
2	06.130	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử thế giới	3
3	06.131	Một số vấn đề về Nhân học	3
4	06.009	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam (1930 - 1975)	3
5	06.132	Trật tự thế giới thế kỷ XIX-XX	3
6	06.133	Cương vực và lãnh thổ Việt Nam qua các thời kỳ	3
7	06.134	Bản sắc văn hóa Việt Nam	3
B. Tự chọn			12
1	06.135	Làng xã Việt Nam trong lịch sử	3
2	06.136	Nông nghiệp và nông thôn Việt Nam thời kỳ Đổi mới	3
3	06.137	Kinh tế hàng hóa và đô thị Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII	3
4	06.138	Ngoại giao Việt Nam (1945- 2020)	3
5	06.139	Chính sách đối ngoại của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1975-2016)	3
6	06.140	Các di sản văn hóa thế giới tại Việt Nam	3
7	06.141	Nghiên cứu triều Nguyễn và vấn đề đặt ra hiện nay	3
8	06.045	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	3
2.2. Chuyên đề nghiên cứu			12
A. Bắt buộc			6

1	06.142	Lịch sử - văn hóa Huế	3
2	06.143	Giáo dục Việt Nam thời cận hiện đại	3
B. Tự chọn			6
1	06.046	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	3
2	06.144	Phong trào Cần vương (1885-1896)	3
3	06.145	Hoạt động chấn hưng thực nghiệp ở Việt Nam 30 năm đầu thế kỷ XX	3
4	06.146	Đặc điểm chiến tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam	3
5	06.147	Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam (1975-2020)	3
C. LUẬN VĂN			12
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			61

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ THEO HỆ TÍN CHỈ

Ngành: **Lịch sử Việt Nam**. Mã số: **8229031**
(Định hướng ứng dụng 2 năm)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
A. KIẾN THỨC CHUNG			4
1	07.044	Triết học	4
B. KIẾN THỨC NGÀNH			48
2.1. Học phần			42
A. Bắt buộc			27
1	06.129	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử Việt Nam	3
2	06.130	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử thế giới	3
4	06.148	Một số vấn đề về Nhân học hiện nay	3
5	06.149	Quan hệ quốc tế thế kỷ XIX-XX	3
6	06.009	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam (1930 - 1975)	3
7	06.020	Cương vực và lãnh thổ Việt Nam qua các thời kỳ	3
8	06.150	Đặc điểm văn hóa Việt Nam	3
9	06.059	Một số vấn đề về làng xã Việt Nam	3
10	06.151	Một số vấn đề về triều Nguyễn và vấn đề đặt ra hiện nay	3
B. Tự chọn			15
1	06.143	Giáo dục Việt Nam thời cận hiện đại	3
2	06.136	Nông nghiệp và nông thôn Việt Nam thời kỳ Đổi mới	3
3	06.039	Kinh tế hàng hóa và đô thị Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII	3
4	06.154	Ngoại giao Việt Nam thời kỳ Đổi mới	3
5	06.139	Chính sách đối ngoại của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1975-2016)	3
6	06.002	Các di sản văn hóa thế giới ở miền Trung - Tây Nguyên	3
7	06.046	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	3

8	06.057	Một số vấn đề về chủ quyền biển đảo	3
9	06.037	Hoạt động chấn hưng thực nghiệp ở Việt Nam đầu thế kỷ XX	3
10	06.156	Lịch sử - văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	3
11	06.157	Phong trào Cần Vương ở Miền Trung (1885-1896)	3
2.2. Thực tập			6
A. Bắt buộc			3
1	06.158	Thực tập nghiên cứu lịch sử địa phương	3
B. Tự chọn (chọn 3/6 tín chỉ)			3
1	06.159	Thực tập và viết thu hoạch về lịch sử miền Trung	3
2	06.160	Thực tập và viết thu hoạch về lịch sử Tây Nguyên	3
C. ĐỀ ÁN, ĐỒ ÁN, DỰ ÁN TỐT NGHIỆP			9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			61

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ THEO HỆ TÍN CHỈ

Ngành: Lịch sử thế giới. Mã số: 8229011

(Định hướng nghiên cứu 2 năm)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
I. KIẾN THỨC CHUNG			4
1	07.044	Triết học	4
II. KIẾN THỨC NGÀNH			45
2.1. Học phần			33
A. Bắt buộc			21
1	06.129	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử Việt Nam	3
2	06.130	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử thế giới	3
3	06.132	Trật tự thế giới thế kỷ XIX-XX	3
4	06.161	Chính sách đối ngoại của Mỹ (1865 - 1945)	3
5	06.131	Một số vấn đề về nhân học	3
6	06.086	Quan hệ kinh tế quốc tế thời hiện đại (1945 đến nay)	3
7	06.134	Bản sắc văn hóa Việt Nam	3
B. Tự chọn			12
1	06.139	Chính sách đối ngoại của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1975-2016)	3
2	06.162	Chuyển biến kinh tế Nhật Bản trong hậu kỳ chế độ phong kiến	3
3	06.163	Quan hệ ASEAN - Trung Quốc từ sau Chiến tranh lạnh đến nay	3
4	06.164	Tổ chức nhà nước của các quốc gia phương Tây thời cổ đại	3
5	06.165	Một số vấn đề về chủ quyền biển đảo	3
6	6.140	Các di sản văn hóa thế giới tại Việt Nam	3
7	06.167	Ngoại giao Việt Nam (1986-2020)	3
8	06.094	Quan hệ Xiêm - Lào - Campuchia - Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX	3
2.2. Chuyên đề nghiên cứu			12
A. Bắt buộc			6

1	06.004	Các khuynh hướng cải cách ở châu Á thời cận đại	3
2	06.168	Một số vấn đề về công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc (1978 đến nay)	3
B. Tự chọn			6
19	06.093	Quan hệ triều Nguyễn với các nước phương Tây trong sự đối sánh với Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan thời cận đại	3
20	06.169	Quan hệ quốc tế của châu Âu từ sau Chiến tranh lạnh đến nay	3
21	06.170	Chính sách của các nước lớn đối với Việt Nam từ sau Chiến tranh lạnh đến nay	3
22	06.171	Lịch sử quân sự thế giới hiện đại	3
23	06.172	Quan hệ quốc tế ở Đông Á từ sau Chiến tranh lạnh đến nay	3
C. LUẬN VĂN			12
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			61

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ THEO HỆ TÍN CHỈ

Ngành: **Lịch sử thế giới**. Mã số: **8229011**

(Định hướng ứng dụng 2 năm)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
A. KIẾN THỨC CHUNG			4
1	07.044	Triết học	4
B. KIẾN THỨC NGÀNH			48
2.1. Học phần			42
A. Bắt buộc			27
1	06.129	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử Việt Nam	3
2	06.130	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử thế giới	3
3	06.148	Một số vấn đề về Nhân học hiện nay	3
4	06.149	Quan hệ quốc tế thế kỷ XIX-XX	3
5	06.150	Đặc điểm văn hóa Việt Nam	3
6	06.154	Ngoại giao Việt Nam thời kỳ Đổi mới	3
7	06.174	Kinh tế, chính trị các nước Đông Nam Á thời hiện đại	3
8	06.175	Một số vấn đề về văn hoá thế giới cổ trung đại	3
9	06.086	Quan hệ kinh tế quốc tế thời hiện đại (1945 đến nay)	3
B. Tự chọn			15
1	06.170	Chính sách của các nước lớn đối với Việt Nam từ sau Chiến tranh lạnh đến nay	3
2	06.139	Chính sách đối ngoại của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1975-2016)	3
3	06.161	Chính sách đối ngoại của Mỹ (1865 - 1945)	3
4	06.093	Quan hệ triều Nguyễn với các nước phương Tây trong sự đối sánh với Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan thời cận đại	3
5	06.176	Quan hệ quốc tế của châu Âu từ sau Chiến tranh lạnh	3
6	06.177	Một số vấn đề về kinh tế - xã hội Nhật Bản thế kỷ XVII - XIX	3
7	06.172	Quan hệ quốc tế ở Đông Á từ sau Chiến tranh lạnh đến nay	3

8	06.008	Các khuynh hướng vận động cải cách ở châu Á thời cận đại	3
9	06.147	Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam (1975-2020)	3
10	06.168	Một số vấn đề về công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc (1978 đến nay)	3
11	06.178	Hợp tác tiểu vùng sông Mekong mở rộng	3
2.2. Thực tập			6
A. Bắt buộc			3
1	06.179	Thực tập nghiên cứu lịch sử quan hệ quốc tế của Việt Nam và viết bài thu hoạch	3
B. Tự chọn			3
1	06.180	Thực tập nghiên cứu lịch sử, văn hóa các nước châu Á và viết bài thu hoạch	3
2	06.181	Thực tập nghiên cứu lịch sử, văn hóa các nước Âu, Mỹ và viết bài thu hoạch	3
C. ĐỀ ÁN, ĐỒ ÁN, DỰ ÁN TỐT NGHIỆP			9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			61

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ THEO HỆ TÍN CHỈ

Ngành: Dân tộc học. Mã số: 8310310

(Định hướng nghiên cứu 2 năm)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
I. KIẾN THỨC CHUNG			4
1	07.044	Triết học	4
II. KIẾN THỨC NGÀNH			45
2.1.Học phần			33
A. Bắt buộc			21
1	06.129	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử Việt Nam	3
2	06.130	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử thế giới	3
3	06.131	Một số vấn đề về Nhân học	3
4	06.182	Những vấn đề dân tộc học miền Trung và Tây Nguyên	3
5	06.132	Trật tự thế giới thế kỷ XIX-XX	3
6	06.050	Lý luận tộc người và các trường phái trong dân tộc học	3
7	06.134	Bản sắc văn hóa Việt Nam	3
B. Tự chọn			12
1	06.167	Ngoại giao Việt Nam (1986-2020)	3
2	06.009	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam (1930 - 1975)	3
3	06.183	Tiếp cận tri thức bản địa trong nghiên cứu nhân học	3
4	06.184	Phương pháp luận nghiên cứu dân tộc học	3
5	06.139	Chính sách đối ngoại của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Mỹ (1975-2016)	3
6	06.033	Địa văn hóa và phân vùng văn hóa Việt Nam	3
7	06.185	Lịch sử hôn nhân và gia đình	3
8	06.186	Dân số học tộc người và vấn đề di dân	3
9	06.135	Làng xã Việt Nam trong lịch sử	3

10	06.141	Nghiên cứu triều Nguyễn và vấn đề đặt ra hiện nay	3
2.2. Chuyên đề nghiên cứu			12
A. Bắt buộc			6
1	06.075	Những vấn đề tôn giáo hiện nay	3
2	06.187	Chính sách dân tộc của Việt Nam trong sự đối sánh với một số nước trong khu vực	3
B. Tự chọn			6
1	06.142	Lịch sử - Văn hóa Huế	3
2	06.072	Những vấn đề dân tộc học miền núi phía Bắc và đồng bằng trung du Bắc Bộ	3
3	06.074	Những vấn đề dân tộc học vùng đồng bằng Nam Bộ	3
4	06.188	Lịch sử văn minh thế giới	3
5	06.189	Văn hóa Việt Nam trong sự đối sánh với văn hóa một số nước ở Châu Á	3
6	06.190	Nhân học về giới	3
C. LUẬN VĂN			12
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			61

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ THEO HỆ TÍN CHỈ

Ngành: Dân tộc học. Mã số: 8310310

(Định hướng ứng dụng 2 năm)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
A. KIẾN THỨC CHUNG			4
1	07.044	Triết học	4
B. KIẾN THỨC NGÀNH			48
2.1. Học phần			42
A. Bắt buộc			27
1	06.129	Một số vấn đề đổi mới trong tiếp cận lịch sử Việt Nam	3
2	06.130	Một số vấn đề đổi mới trong lịch sử tiếp cận thế giới	3
3	06.148	Một số vấn đề về Nhân học hiện nay	3
4	06.149	Quan hệ quốc tế thế kỷ XIX-XX	3
5	06.182	Những vấn đề dân tộc học miền Trung và Tây Nguyên	3
6	06.122	Vấn đề tộc người ở Việt Nam và một số nước trên thế giới	3
7	06.191	Đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc miền Trung - Tây Nguyên	3
8	06.187	Chính sách dân tộc Việt Nam trong sự đối sánh với một số nước trong khu vực	3
9	06.150	Đặc điểm văn hóa Việt Nam	3
B. Tự chọn			15
1	06.139	Chính sách đối ngoại của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Mỹ (1975-2016)	3
2	06.030	Dân số học tộc người và vấn đề di dân	3
3	06.192	Các khuynh hướng tôn giáo hiện nay	3
4	06.002	Các di sản văn hóa thế giới ở miền Trung - Tây Nguyên	3
5	06.193	Lịch sử miền Trung - Tây Nguyên	3
6	06.046	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	3
7	06.188	Lịch sử văn minh thế giới	3

8	06.195	Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	3
9	06.196	Quan hệ ngoại giao Việt Nam (1986-2020)	3
10	06.197	Nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam thời kỳ đổi mới	3
2.2. Thực tập			6
A. Bắt buộc			3
1	06.155	Thực tập nghiên cứu một dân tộc thiểu số cụ thể ở Miền Trung - Tây Nguyên	3
B. Tự chọn (03/6 tín chỉ)			3
1	06.152	Thực tập nghiên cứu văn hóa làng của người Việt ở Miền Trung	3
2	06.153	Thực tập nghiên cứu văn hóa phi vật thể ở Miền Trung - Tây Nguyên	3
C. ĐỀ ÁN, ĐỒ ÁN, DỰ ÁN TỐT NGHIỆP			9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			61

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ THEO HỆ TÍN CHỈ
Ngành: Quản lý Văn hóa. Mã số: 8229012
(Định hướng nghiên cứu 2 năm)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
I. KIẾN THỨC CHUNG			4
1	07.044	Triết học	4
II. KIẾN THỨC NGÀNH			45
2.1.Học phần			33
A. Bắt buộc			21
1	06.047	Lịch sử văn hóa Việt Nam	3
2	06.033	Địa văn hóa và phân vùng văn hóa Việt Nam	3
3	06.109	Quản lý văn hóa - lý thuyết và ứng dụng	3
4	06.108	Quản lý nhà nước về văn hóa và pháp luật về quản lý văn hóa	3
5	06.105	Quản lý di sản văn hóa vật thể ở Việt Nam	3
6	06.103	Quản lý di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam	3
7	06.118	Tổ chức và quản lý sự kiện văn hóa - nghệ thuật	3
B. Tự chọn			12
9	06.126	Văn hóa Trung Hoa	3
10	06.123	Văn hóa Ấn Độ	3
11	06.124	Văn hóa Đông Nam Á	3
12	06.110	Quản lý văn hóa dựa vào cộng đồng	3
13	06.080	Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	3
14	06.095	Quản lý bảo tàng và cổ vật	3
15	06.114	Thiết kế và tổ chức dự án nghiên cứu văn hóa	3
16	06.107	Quản lý hoạt động tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	3
2.2. Chuyên đề nghiên cứu			12

A. Bắt buộc			6
17	06.113	Quản lý văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế	3
18	06.043	Lễ hội và quản lý lễ hội ở Việt Nam	3
B. Tự chọn			6
19	06.198	Quản lý các di sản văn hóa Champa	3
20	06.099	Quản lý di sản kiến trúc ở Việt Nam	3
21	06.101	Quản lý di sản tư liệu ở Việt Nam	3
22	06.112	Quản lý văn hóa làng ở Việt Nam	3
C. LUẬN VĂN			12
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			61

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ THEO HỆ TÍN CHỈ

Ngành: Quản lý văn hóa. Mã số: 8229012

(Định hướng ứng dụng 2 năm)

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
A. KIẾN THỨC CHUNG			4
1	07.044	Triết học	4
B. KIẾN THỨC NGÀNH			48
2.1. Học phần			42
A. Bắt buộc			27
1	06.047	Lịch sử văn hóa Việt Nam	3
2	06.109	Quản lý văn hóa - lý thuyết và ứng dụng	3
3	06.118	Tổ chức và quản lý sự kiện văn hóa – nghệ thuật	3
4	06.104	Quản lý di sản văn hóa vật thể ở miền Trung – Tây Nguyên	3
5	06.102	Quản lý di sản văn hóa phi vật thể ở miền Trung – Tây Nguyên	3
6	06.111	Quản lý văn hóa làng ở miền Trung – Tây Nguyên	3
7	06.042	Lễ hội và quản lý lễ hội miền Trung – Tây Nguyên	3
8	06.096	Quản lý bảo tàng và cổ vật ở miền Trung – Tây Nguyên	3
9	06.113	Quản lý văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế	3
B. Tự chọn			15
1	06.126	Văn hóa Trung Hoa	3
2	06.123	Văn hóa Ấn Độ	3
3	06.124	Văn hóa Đông Nam Á	3
4	06.110	Quản lý văn hóa dựa vào cộng đồng	3
5	06.114	Thiết kế và tổ chức dự án nghiên cứu văn hóa	3

6	06.100	Quản lý di sản tư liệu ở miền Trung – Tây Nguyên	3
7	06.097	Quản lý các di sản văn hóa Champa ở miền Trung – Tây Nguyên	3
8	06.200	Quản lý hoạt động tôn giáo và tín ngưỡng ở miền Trung – Tây Nguyên	3
9	06.033	Địa văn hóa và phân vùng văn hóa Việt Nam	3
10	06.080	Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	3
2.2. Thực tập			6
A. Bắt buộc			3
1	06.202	Thực tập nghiên cứu quản lý nhà nước về văn hóa ở miền Trung - Tây Nguyên	3
B. Tự chọn			3
1	06.166	Thực tập nghiên cứu quản lý bảo tàng ở miền Trung - Tây Nguyên	3
2	06.194	Thực tập nghiên cứu quản lý di sản kiến trúc ở miền Trung - Tây Nguyên	3
3	06.173	Thực tập nghiên cứu quản lý lễ hội, tôn giáo, tín ngưỡng ở miền Trung - Tây Nguyên	3
C. ĐỀ ÁN, ĐỒ ÁN, DỰ ÁN TỐT NGHIỆP			9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			61